

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

năm 2020

Thời điểm kiểm kê: Ngày..... Tháng 1 năm 2021

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Nguyễn Huy Bằng	Chức vụ: Chủ tịch HĐ kiểm kê TS	- Ông/ bà:.....	Số điện thoại:.....
- Ông: Trần Đình Luân	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	- Ông/ bà:.....	Số điện thoại:.....
- Ông: Hoàng Việt Dũng	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	- Ông/ bà:.....	Số điện thoại:.....
- Ông: Trần Đình Diệu	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	- Ông/ bà:.....	Số điện thoại:.....
Chức vụ:		- Ông/ bà:.....	Số điện thoại:.....

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: Phòng TN: Trại Mạn Nghi Xuân, kết quả như sau

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
I	Nhà cửa vật kiến trúc						
II	Tài sản máy móc thiết bị						
1	Trạm bơm model: CM 80-160D	01421.00.030000.022	01/01/2014.	.	1	1	
2	Trạm bơm model: CM 80-160D	01421.00.030000.023	01/01/2014.	.	1	1	
3	Máy nén khí, model: UB40105	01421.00.030000.050	01/01/2014.	.	1	1	
4	Máy nén khí, model: UB40105	01421.00.030000.051	01/01/2014.	.	1	1	
5	Máy nén khí, model: UB40105	01421.00.030000.052	01/01/2014.	.	1	1	
6	Máy nén khí, model: UB40105	01421.00.030000.053	01/01/2014.	.	1	1	
7	Máy nén khí, model: UB40105	01421.00.030000.054	01/01/2014.	.	1	1	
8	Bơm và dầu lọc thô, model: CM80-160D	01421.00.030000.096	01/01/2014.	.	1	1	
9	Bơm và dầu lọc thô, model: CM80-160D	01421.00.030000.097	01/01/2014.	.	1	1	
III	Tài sản Đồ gỗ quản lý						
IV	Phương tiện vận tải truyền dẫn						
V	Tài sản cố định khác						
VI	Cây lâu năm						
VII	Tài sản cố định vô hình						
VIII	Sách và tài liệu mã hóa						
IX	Sách và giáo trình						
X	Công cụ dụng cụ thiết bị						
1	Mô tơ 5,5 KW	01421.00.110000.001	08/10/2014.	.	21	21	
2	Máy thổi khí 3 KW (Trung Quốc)	01421.00.110000.002	08/10/2014.	.	4	4	
3	Máy nén khí, model: LW1006-2	01421.00.110000.005	01/01/2014.	.	2	2	
4	Máy thổi khí 3 KW (Việt Nam)	01421.00.110000.025	19/11/2015.	.	1	1	
5	Máy nổ D8	01421.00.110000.026	19/11/2015.	.	1	1	
6	Máy nổ D8	01421.00.110000.027	19/11/2015.	.	1	1	
7	Máy nổ D8	01421.00.110000.028	19/11/2015.	.	1	1	

Mẫu số: CS3-HD

(Ban hành theo thông tư số 10/2017/TT-BT ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Số BB 304/330

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
8	Máy nổ D8	01421.00.110000.029	19/11/2015.	.	1	1	
9	Máy nổ D8	01421.00.110000.030	19/11/2015.	.	1	1	
10	Máy nổ D8	01421.00.110000.031	19/11/2015.	.	1	1	
11	Máy nổ D8	01421.00.110000.032	19/11/2015.	.	1	1	
12	Máy nổ D8	01421.00.110000.033	19/11/2015.	.	1	1	
13	Máy nổ D8	01421.00.110000.034	19/11/2015.	.	1	1	
14	Máy nổ D8	01421.00.110000.035	19/11/2015.	.	1	1	
15	Hộp cầu xacxi	01421.10.110000.009	31/12/2014.	.	11	11	
XI	Công cụ dụng cụ đồ gỗ			.		11	
1	Giường sắt hộp 2 tầng	01421.00.120000.002	01/01/2012.	.	2	2	
2	Giường hộp gỗ 1.4m	01421.00.120000.004	01/01/2012.	.	3	3	
3	Giường hộp gỗ thông 1.2m	01421.00.120000.005	01/01/2012.	.	4	4	
4	Tủ sắt Hòa Phát 6 cánh	01421.00.120000.006	01/01/2012.	.	5	5	
5	Tủ sắt HP 2 tầng 09K6T	01421.00.120000.007	01/01/2012.	.	3	3	
6	Tủ lim 1.8m	01421.00.120000.008	01/01/2000.	.	2	2	
7	Bàn gỗ HAGL	01421.00.120000.013	01/01/2013.	.	1	1	
8	Ghế gỗ HAGL	01421.00.120000.014	01/01/2013.	.	12	12	
XII	Bàn, ghế giảng đường			.			
XIII	Thiết bị phòng Thí nghiệm			.			

Nghệ An, ngày... tháng... năm 2021

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

PHÒNG QT&DT

PHÒNG KH-TC

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

BỘ PHẬN KIỂM KÊ

Đ. Minh Hải

T. A. Duyệt

Trần Anh Tuấn